

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /UBND-LĐTBOXH
V/v xây dựng kế hoạch dạy nghề cho
lao động nông thôn, người khuyết tật
năm 2017.

Triệu Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2017

Kính gửi:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trung tâm dạy nghề Triệu Sơn;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 07/SLĐTBOXH-DN ngày 03/01/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc xây dựng kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2017. Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn yêu cầu các phòng, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật năm 2016, xây dựng kế hoạch năm 2017 với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2016

1. Công tác chỉ đạo, điều hành.

2. Kết quả thực hiện.

2.1. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

a. Nghề nông nghiệp

- Nghề:

+ Số người:..... (trong đó: đối tượng 1:....., đối tượng 2:....., đối tượng 3:))

+ Thời gian đào tạo:.....tháng, từ ngày....tháng....đến ngày....tháng năm

+ Cơ sở đào tạo.....

+ Tình hình giải quyết việc làm sau đào tạo:

- Nghề:

+ Số người:..... (trong đó: đối tượng 1:....., đối tượng 2:....., đối tượng 3:))

+ Thời gian đào tạo:.....tháng, từ ngày....tháng....đến ngày....tháng năm

+ Cơ sở đào tạo.....

+ Tình hình giải quyết việc làm sau đào tạo:

b. Nghề phi nông nghiệp

2.1. Nghề:

- Nghề:
- + Số người:..... (trong đó: đối tượng 1:....., đối tượng 2:....., đối tượng 3:))
- + Thời gian đào tạo:.....tháng, từ ngày....tháng....đến ngày.....tháng năm
- + Cơ sở đào tạo.....
- + Tình hình giải quyết việc làm sau đào tạo:
- Nghề:
- + Số người:..... (trong đó: đối tượng 1:....., đối tượng 2:....., đối tượng 3:))
- + Thời gian đào tạo:.....tháng, từ ngày....tháng....đến ngày.....tháng năm
- + Cơ sở đào tạo.....
- + Tình hình giải quyết việc làm sau đào tạo:

2.1. Đào tạo nghề cho người khuyết tật năm 2016

- Nghề:
- + Số người:..... (trong đó: đối tượng 1:....., đối tượng 2:....., đối tượng 3:))
- + Thời gian đào tạo:.....tháng, từ ngày....tháng....đến ngày.....tháng năm
- + Cơ sở đào tạo.....
- + Tình hình giải quyết việc làm sau đào tạo:
- Nghề:
- + Số người:..... (trong đó: đối tượng 1:....., đối tượng 2:....., đối tượng 3:))
- + Thời gian đào tạo:.....tháng, từ ngày....tháng....đến ngày.....tháng năm
- + Cơ sở đào tạo.....
- + Tình hình giải quyết việc làm sau đào tạo:

3. Kinh phí thực hiện.

Tổng kinh phí hỗ trợ dạy nghề năm 2016

- Trung ương phân bổ:.....
- Ngân sách huyện:.....
- Nguồn khác:.....

Cụ thể:

- Dạy nghề nông nghiệp.....
- Trong đó: - Trung ương phân bổ:.....
 - Ngân sách huyện:.....
 - Nguồn khác:.....
- Dạy nghề phi nông nghiệp.....
- Trong đó: - Trung ương phân bổ:.....
 - Ngân sách huyện:.....

- Nguồn khác:.....
- Dạy nghề cho người khuyết tật:.....
- Trong đó: - Trung ương phân bổ:.....
- Ngân sách huyện:.....
- Nguồn khác:.....

4. Báo cáo tình hình thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện năm 2016

5. Khó khăn, vướng mắc; tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN, LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2017

1. Chỉ tiêu, nhiệm vụ

- Tuyên truyền tư vấn học nghề việc làm.....
- Rà soát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, người khuyết tật, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.....

- Hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn.....

- Hỗ trợ dạy nghề cho người khuyết tật.....

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề cho trung tâm công lập cấp huyện để phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn.....

2. Kế hoạch kinh phí

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2017:..... triệu đồng.
Chi tiết theo từng chỉ tiêu, nhiệm vụ.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Yêu cầu các phòng, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện và gửi báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 15/01/2016 để tổng hợp báo cáo UBND huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội./. *LTB*

Nơi nhận: *V*

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



LM
Lê Quang Trung

KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2016
 (Kèm theo Công văn số 40/UBND-LĐTBXH ngày 10/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: người

Số TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Cơ sở dạy nghề	Địa điểm đào tạo (Xã)	Số lớp	Tổng số Nữ	Số người được học nghề										Hiệu quả sau học nghề				Kinh phí thực hiện							
							Đối tượng 1						Đối tượng 2				Đối tượng 3		Đã được DN /đơn vị tuyển dụng	Được DN / đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, tổ sản xuất, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người thuộc hộ có thu nhập khá	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Nguồn khác
							Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Người được hưởng ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất	Người thuộc hộ bị khuyết tật	Người thuộc hộ cận nghèo	Tổng số người học nghề xong	Tổng số người có việc làm													
1	2	3	4	5	6	7=9+15+16	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=19+20+21+22	19	20	21	22	23	24	25=26+27+28	26	27	28		
Tổng số							0									0							0					
I Nghề nông nghiệp							0										0							0				
1	Nghề ...					0										0							0					
2	Nghề ...					0										0							0					
3					0										0							0					
II Nghề phi nông nghiệp							0									0							0					
1	Nghề ...					0										0							0					
2	Nghề ...					0										0							0					
3					0										0							0					

- Cột 2: Ghi cụ thể từng nghề đào tạo

- Cột 10, 11, 12, 13, 14: thống kê tất cả các đối tượng được thụ hưởng. Ví dụ: 1 người vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người thuộc hộ nghèo và vừa là người khuyết tật đi học nghề thì thống kê cả cột 11, 12 và 14, tuy nhiên cột 9 chỉ tính là 1 đơn vị

Ghi chú:

KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ DẠY NGHỀ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2016
 (Kèm theo Công văn số 40/UBND-LĐTBXH ngày 10/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: người

Số TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Cơ sở dạy nghề	Địa điểm đào tạo (xã)	Số lớp	Trong đó: Nữ	Hiệu quả sau học nghề						Kinh phí thực hiện			Nguồn khác			
							Số người học xong	Số người có việc làm	Được doanh nghiệp/đơn vị tuyển dụng	Được doanh nghiệp/đơn vị bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ hợp tác, tổ sản xuất, HTX, doanh nghiệp	Thuộc hộ thoát nghèo	Số người thuộc hộ có thu nhập khá	Tổng số		Nghân sách TW	Nghân sách huyện	
1	2	3	4	5	6	8	9	10=11+12+13+14	11	12	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	
Tổng số																			
	Nghề																		
	Nghề																		
																		

NHU CẦU KINH PHÍ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2017
(Kèm theo Công văn số 40/UBND-LĐTBXH ngày 10/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị tính: người

Số TT	Tên nghề đào tạo cho lao động nông thôn	Thời gian đào tạo	Số lớp	Số người được học nghề							Kinh phí thực hiện					
				Tổng số	Nữ	Số người thực tế thuộc đối tượng 1	Đối tượng 1				Đối tượng 2	Đối tượng 3	Trong đó			
							Người được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ nghèo	Người thuộc hộ bị thu hồi đất			Người thuộc hộ cận nghèo	Người LĐNT khác	Nghân sách TW	Nghân sách huyện
1	2	3	4	5=7+12+13	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17
	Tổng số			0												
I	Nghề nông nghiệp			0												
	Nghề			0												
	Nghề			0												
			0												
II	Nghề phi nông nghiệp			0												
	Nghề			0												
	Nghề			0												
			0												

- Cột 8, 9, 10, 11: thống kê tất cả các đối tượng được thụ hưởng. Ví dụ: 1 người vừa là người dân tộc thiểu số vừa là người thuộc hộ nghèo và vừa là thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp đi học nghề thì thống kê cả cột 9, 10 và 11, tuy nhiên cột 7 chỉ tính là 1 người

Ghi chú:

NHU CẦU KINH PHÍ DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT NĂM 2017
 (Kèm theo Công văn số 40/UBND-LĐTBXH ngày 10/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

TT	Nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số người học nghề	Trong đó: Nữ	Nhu cầu kinh phí			
						Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Trong đó Nguồn khác
	Tổng số					0			
1	Nghề					0			
2	Nghề					0			
3					0			
Cộng						0			